

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP VIỆT NAM HIỆN NAY

Đinh Thế Hùng*, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Hàn Thị Lan Thu*****

Hệ thống các trường đại học ở Việt Nam hiện nay ngày càng đa dạng về ngành nghề, hình thức sở hữu. Mặc dù vậy, hệ thống các trường đại học công lập vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền giáo dục quốc dân. Để đảm bảo quản lý các hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu đề ra, các trường đại học công lập cần phải xây dựng và thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp và hoạt động hữu hiệu. Bài viết nghiên cứu các quan điểm khác nhau, từ đó đưa ra quan điểm về hệ thống kiểm soát nội bộ trong trường đại học công lập và các yếu tố cơ bản cần thiết trong hệ thống kiểm soát nội bộ tại các trường đại học công lập gồm: Môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hệ thống thông tin kế toán, các thủ tục kiểm soát và giám sát. Để hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và hiệu lực, các yếu tố của hệ thống đều cần phải hoạt động hữu hiệu và đồng bộ.

Từ khóa: Kiểm soát nội bộ, đại học công lập, hệ thống thông tin.

1. Giới thiệu

Khởi đầu với số lượng trường ít ỏi, cho đến nay, trải qua hơn một nửa thế kỷ, hệ thống các trường đại học công lập tăng lên đáng kể, giữ vai trò then chốt trong mạng lưới các trường đại học Việt Nam với số lượng sinh viên và đội ngũ giảng viên đông đảo. Cùng với sự nghiệp đổi mới của đất nước, các trường đại học công lập Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ và được phân loại thành các trường đại học theo ngành dân sự như Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Ngoại thương, Đại học Luật;... các trường đại học và học viện quân sự như Học viện Kỹ thuật quân sự;... các trường đại học và học viện công an như Học viện An ninh... các trường đại học vùng (thường nằm tại các khu vực kinh tế động lực của một vùng, có nhiều khu công nghiệp và đô thị) như Đại học Huế, Đại học Thái Nguyên;... và các trường đại học địa phương (trực thuộc sự quản lý của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) như Đại học Đà Lạt, Đại học Vinh, Đại học An Giang... Trong tổng số 130 trường đại học công lập hiện nay có 15 trường được qui hoạch là các trường đại học trọng điểm quốc gia, bao gồm hai trường đại học quốc gia (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh), bốn trường đại học vùng (Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng và Đại học Cần Thơ), chín trường đại học theo lĩnh vực (Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Kinh tế

thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội và Học viện Kỹ thuật Quân sự). Đây là những trường đại học – trung tâm nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam, được Chính phủ ưu tiên giao quyền tự chủ.

Trong bất kỳ một đơn vị, tổ chức nào cũng tồn tại hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm do Hội đồng quản trị, nhà quản lý của đơn vị thiết kế để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu: Sự hữu hiệu và hiệu quả của hoạt động; Sự tin cậy của báo cáo tài chính; Sự tuân thủ các luật lệ và quy định. Để đảm bảo quản lý các hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu đề, các trường cần phải xây dựng và thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) phù hợp và hoạt động hữu hiệu. Các nghiên cứu về KSNB trong các trường đại học công lập hiện nay chưa nhiều, mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu hệ thống KSNB trong một trường cụ thể. Vậy hệ thống KSNB là gì? Trong các trường đại học công lập hệ thống KSNB bao gồm các yếu tố nào? Bài viết này tổng hợp các quan điểm khác nhau về hệ thống kiểm soát nội bộ và phân tích làm rõ về bản chất hệ thống KSNB và các yếu tố cơ bản của hệ thống KSNB trong các trường đại học công lập nhằm giúp cho các trường đại học công lập có căn cứ để thiết lập

một hệ thống KSNB hữu hiệu.

Các tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết từ đó tổng hợp và hệ thống hóa các nghiên cứu trong và ngoài nước về hệ thống kiểm soát nội bộ. Trên cơ sở đánh giá các quan điểm khác nhau vận dụng vào thực tế tại các trường đại học công lập của Việt Nam, nhóm tác giả đã đề xuất cách tiếp cận mang tính tổng thể về hệ thống kiểm soát nội bộ với các yếu tố của hệ thống kiểm soát nội bộ được cụ thể hóa theo quan điểm của COSO (Ủy ban các tổ chức đồng bảo trợ).

2. Hệ thống KSNB của trường đại học công lập

2.1. Bản chất hệ thống KSNB của trường đại học công lập

Khái niệm KSNB bắt đầu được sử dụng nhiều vào đầu thế kỷ XX trong lĩnh vực kiểm toán. Năm 1985, Hội đồng quốc gia chống gian lận báo cáo tài chính Hoa Kỳ (thường được gọi là Ủy ban Treaway) được thành lập và từ đó hình thành Ủy ban các tổ chức đồng bảo trợ (*Committee of Sponsoring Organization - COSO*). Theo quan điểm về hệ thống KSNB của COSO:

“Kiểm soát nội bộ là một quá trình bị chi phối bởi Hội đồng quản trị, nhà quản lý và các nhân viên của đơn vị, được thiết kế để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu: Sự hữu hiệu và hiệu quả của hoạt động; Sự tin cậy của báo cáo tài chính; Sự tuân thủ các luật lệ và quy định”. (COSO, 2013).

Khái niệm KSNB của COSO được vận dụng và phát triển trong nhiều lĩnh vực. Trong lĩnh vực công, KSNB là đối tượng được quan tâm đặc biệt của kiểm toán nhà nước. Một số quốc gia như Mỹ, Canada, Anh đã đưa ra những chuẩn mực vận dụng của hệ thống KSNB cho các tổ chức hành chính sự nghiệp như chuẩn mực về kiểm toán của Văn phòng Tổng kế toán nhà nước Hoa Kỳ (GAO) năm 1999. Chuẩn mực này đề cập đến vấn đề KSNB đặc thù trong tổ chức hành chính sự nghiệp và đưa ra năm yếu tố về KSNB bao gồm các quy định về môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, các hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát. Trong Hướng dẫn chuẩn mực KSNB của INTOSAI (Hiệp hội quốc tế của các cơ quan kiểm toán nhà nước tối cao) đưa ra định nghĩa về KSNB như sau: (INTOSAI, 1992):

Kiểm soát nội bộ là một quá trình của một tổ chức bao gồm nhận thức, phương pháp, quy trình và các biện pháp của người lãnh đạo nhằm bảo đảm sự hợp lý để đạt được các mục tiêu của tổ chức:

- Thúc đẩy các hoạt động hiệu quả hiệu lực và

tuân thủ đảm bảo chất lượng của sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhiệm vụ của tổ chức.

- Bảo vệ các nguồn lực không bị lãng phí, thất thoát, lạm dụng, biến thủ và vi phạm pháp luật.

- Yêu cầu và giám sát tuân thủ pháp luật, quy định của nhà nước và nội bộ.

- Xây dựng và duy trì các hệ thống thông tin tài chính và hoạt động, lập báo cáo đúng đắn và kịp thời.

Theo tài liệu hướng dẫn của INTOSAI được cập nhật vào năm 2001, trình bày về định nghĩa KSNB như sau: *Kiểm soát nội bộ là một quá trình xử lý toàn bộ được thực hiện bởi nhà quản lý và các cá nhân trong tổ chức, quá trình này được thiết kế để phát hiện các rủi ro và cung cấp một sự đảm bảo hợp lý để đạt được nhiệm vụ của tổ chức.*

So với định nghĩa của báo cáo COSO và hướng dẫn năm 1992, hướng dẫn của INTOSAI nhấn mạnh đến khía cạnh giá trị đạo đức. Sự nhấn mạnh này khẳng định tầm quan trọng của hành vi đạo đức cũng như sự ngăn chặn và phát hiện sự gian trá và tham nhũng trong khu vực công. Ngân sách nhà nước là nguồn lực tài chính được cấp phát mà không cần hoàn trả, hơn nữa là được phân bổ với nhiều đối tượng khác nhau. Chính vì vậy, cần có các kiểm soát nhằm đảm bảo ngân sách được sử dụng đúng mục đích, các tài sản không bị thất thoát hay lãng phí. Hơn nữa, việc bảo vệ nguồn lực tài chính này càng cần được chú trọng trong KSNB đối với khu vực công. Trên thế giới, các nhà lãnh đạo các tổ chức của nhà nước xem hướng dẫn của INTOSAI là một nền tảng để thực hiện và giám sát KSNB trong tổ chức.

Như vậy, có thể vận dụng khái niệm kiểm soát nội bộ của COSO và khái niệm hệ thống kiểm soát nội bộ mà INTOSAI đề đưa đến khẳng định *trong lĩnh vực công, hệ thống kiểm soát nội bộ cũng được hiểu theo nghĩa là một quá trình chi phối bởi nhà quản lý và các nhân viên của đơn vị, được thiết kế để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu: Sự hữu hiệu và hiệu quả của hoạt động; Sự tin cậy của báo cáo tài chính; Sự tuân thủ các luật lệ và quy định.*

2.2. Các yếu tố cơ bản của hệ thống KSNB trong các trường đại học công lập

KSNB trong các trường đại học công lập là một hệ thống bao gồm nhiều yếu tố để thực hiện quá trình quản lý, kiểm soát các hoạt động trong một đơn vị. Trong các tổ chức hành chính sự nghiệp nói chung và trong các trường đại học công lập nói riêng, hệ thống KSNB bao gồm các yếu tố cơ bản sau:

2.2.1. Môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát là đề cập tới nhận thức, thái độ và quan điểm của nhà quản lý đối với hoạt động kiểm tra, kiểm soát trong đơn vị, cơ cấu tổ chức và năng lực nhân viên. Môi trường kiểm soát đã tạo nên một sắc thái chung cho một tổ chức, ảnh hưởng đến ý thức kiểm soát của các nhân viên. Môi trường kiểm soát là nền tảng cho tất cả các yếu tố khác trong KSNB, tạo lập một nền nếp kỷ cương, đạo đức và cơ cấu tổ chức. Các nhân tố trong môi trường kiểm soát bao gồm:

Triết lý quản lý và phong cách lãnh đạo:

Triết lý quản lý và phong cách lãnh đạo thể hiện qua cá tính, tư cách và thái độ của nhà lãnh đạo khi điều hành hoạt động của đơn vị (COSO, 2013). Nếu nhà lãnh đạo cấp cao cho rằng KSNB là quan trọng thì những thành viên khác trong tổ chức cũng sẽ cảm nhận được điều đó và sẽ theo đó mà tận tâm xây dựng hệ thống KSNB. Tinh thần này được biểu hiện thành những quy định đạo đức và cách ứng xử trong nhà trường. Trong các trường công lập, triết lý quản lý được thể hiện thông qua việc Ban giám hiệu các trường nhận thức được chức năng KSNB cần thiết đối với việc kiểm tra, giám sát các hoạt động trong nhà trường từ đó đã chủ động xây dựng quy chế thu chi nội bộ, xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động làm căn cứ thực hiện và kiểm soát các hoạt động. Ngược lại, nếu các thành viên trong tổ chức cho rằng KSNB không quan trọng có nghĩa là lãnh đạo chưa quan tâm đúng mức đến KSNB. Kết quả là KSNB chỉ còn là hình thức chứ không có ý nghĩa thật sự, dẫn đến mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị không còn đạt được như mong muốn.

Năng lực nhân viên:

Năng lực nhân viên bao gồm trình độ hiểu biết và kỹ năng làm việc cần thiết để đảm bảo việc thực hiện có kỷ cương, trung thực, tiết kiệm, hiệu quả và hữu hiệu, cũng như có sự am hiểu đúng đắn về trách nhiệm của bản thân trong việc thiết lập hệ thống KSNB (COSO, 2013). Đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm tốt sẽ là một trong những yếu tố góp phần quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường.

Lãnh đạo và nhân viên phải duy trì một trình độ đủ để hiểu được việc xây dựng thực hiện, duy trì KSNB, vai trò của KSNB và trách nhiệm của họ trong việc thực hiện sứ mạng chung của tổ chức. Mỗi cá nhân trong tổ chức đều giữ một vai trò trong hệ thống KSNB bởi trách nhiệm của họ. Lãnh đạo và nhân viên cũng cần có kỹ năng cần thiết để đánh giá rủi ro đảm bảo hoàn thành trách nhiệm của họ trong tổ chức. Đào tạo là một phương thức rất hữu

hiệu để nâng cao trình độ cho các thành viên trong tổ chức. Một trong những nội dung đào tạo là hướng dẫn về mục tiêu KSNB, phương pháp giải quyết các tình huống khó xử trong công việc.

Cơ cấu tổ chức:

Một cơ cấu tổ chức hợp lý sẽ đảm bảo cho sự thông suốt trong việc ủy quyền và phân công trách nhiệm. Cơ cấu tổ chức được thiết kế tổ chức sao cho có thể ngăn ngừa được sự vi phạm các quy chế KSNB và loại được những hoạt động không phù hợp. Hoạt động được xem là không phù hợp là những hoạt động mà sự kết hợp của chúng có thể dẫn đến sự vi phạm và che giấu sai lầm và gian lận. Cơ cấu tổ chức bao gồm: Sự phân chia quyền và trách nhiệm báo cáo, Hệ thống báo cáo phù hợp. Trong cơ cấu tổ chức cũng bao gồm bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, bộ phận thanh tra, kiểm tra được tổ chức độc lập với các đối tượng kiểm toán và báo cáo trực tiếp đến lãnh đạo cao nhất trong cơ quan.

Theo Điều lệ Trường Đại học, cơ cấu tổ chức của trường đại học công lập bao gồm: (Thủ tướng Chính phủ, 2010)

Hội đồng trường: Hội đồng trường là cơ quan quản trị của trường đại học bao gồm các thành viên là Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy trường, đại diện các giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục có uy tín trong và ngoài trường, các tổ chức chính trị xã hội trong trường. Hội đồng trường quyết nghị các chủ trương lớn để thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường đại học được Nhà nước giao và theo qui định của pháp luật. Hội đồng trường có nhiệm vụ quyết nghị về mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển của trường; quyết nghị về dự thảo qui chế tổ chức và hoạt động của trường hoặc các bổ sung sửa đổi qui chế trước khi Hiệu trưởng trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị chủ trương chi tiêu, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị từ các nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu khác (ngoại trừ nguồn ngân sách nhà nước cấp); giám sát việc thực hiện “Quy chế thực hiện dân chủ trong các hoạt động ở nhà trường”.

Hiệu trưởng trường đại học: Hiệu trưởng là người đại diện theo pháp luật của nhà trường, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường theo các qui định của pháp luật. Hiệu trưởng có quyền ban hành và bãi bỏ các nội qui trong nội bộ trường nhằm đảm bảo việc điều hành, kiểm tra và giám sát mọi hoạt động của trường theo đúng các qui định hiện hành; tổ chức tuyển dụng và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên của trường; tổ chức các hoạt động đào tạo

và khoa học - công nghệ trong trường theo đúng các qui định hiện hành. Hiệu trưởng là chủ tài khoản của trường đại học, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của đơn vị.

Phó Hiệu trưởng trường đại học: Các Phó Hiệu trưởng giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của trường, trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng.

Hội đồng khoa học và đào tạo: Hội đồng khoa học và đào tạo là tổ chức tư vấn cho Hiệu trưởng về mục tiêu, chương trình đào tạo, khoa học và công nghệ của trường; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên. Hội đồng khoa học và đào tạo bao gồm hiệu trưởng, một số phó hiệu trưởng, các trưởng khoa, các viện trưởng, một số giám đốc trung tâm, trưởng phòng, giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, giảng viên, cán bộ hoạt động khoa học – công nghệ của trường.

Các phòng chức năng: Các phòng có nhiệm vụ tham mưu và giúp việc hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các mảng công việc chủ yếu của trường: hành chính – tổng hợp, tổ chức – cán bộ, đào tạo đại học và sau đại học, khoa học và công nghệ, công tác chính trị – quản lý người học, kế hoạch – tài chính, quan hệ quốc tế, thanh tra.

Các khoa và bộ môn trực thuộc trường: Khoa là đơn vị hành chính cơ sở của trường có các nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, học tập, biên soạn giáo trình và tổ chức quá trình đào tạo một hoặc một số ngành; tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất – kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội.

Các bộ môn: Bộ môn là đơn vị cơ sở về đào tạo, khoa học và công nghệ của trường đại học, chịu trách nhiệm về học thuật trong các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ. Bộ môn chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy, học tập một số môn học trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của trường, của khoa; xây dựng và hoàn thiện nội dung, chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến chuyên ngành đào tạo và môn học được khoa và trường giao; tiến hành nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và cung ứng các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của trường và khoa giao; chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ

chức khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho trường.

Các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp: Các tổ chức khoa học và công nghệ trong trường đại học gồm có các tổ chức nghiên cứu và phát triển và các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển (được tổ chức dưới hai hình thức: viện, trung tâm) có nhiệm vụ triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, đưa tiến bộ khoa học và chuyên gia công nghệ phục vụ phát triển đất nước; tham gia đào tạo, gắn đào tạo với hoạt động khoa học và công nghệ. Các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ có nhiệm vụ triển khai các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến và ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ vào thực tiễn. Các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp được tổ chức phù hợp với ngành nghề đào tạo của trường, phục vụ cho mục tiêu phát triển của trường.

Các cơ sở phục vụ đào tạo, khoa học và công nghệ: Các cơ sở phục vụ đào tạo và khoa học – công nghệ của trường đại học bao gồm trung tâm thông tin tư liệu phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; tổ chức in ấn; các phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, xưởng thực hành, câu lạc bộ, nhà văn hóa, ký túc xá, nhà ăn...

Văn phòng đại diện của trường đại học: là một đơn vị phụ thuộc của trường đại học, được thành lập theo quy định của pháp luật, để thực hiện các giao dịch phục vụ cho các hoạt động của nhà trường; không thực hiện tuyển sinh, không tổ chức hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học và công nghệ.

Từ quy định về cơ cấu tổ chức của trường đại học trong Điều lệ trường đại học do Thủ tướng chính phủ ban hành có thể khái quát mô hình tổ chức các trường đại học qua Hình 1.

Trên cơ sở qui định chung, mỗi trường đại học tiến hành tổ chức bộ máy hoạt động phù hợp theo qui mô và lĩnh vực riêng của mình.

Chính sách nhân sự:

Chính sách nhân sự bao gồm việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục, đánh giá, bổ nhiệm, khen thưởng hay kỷ luật, hướng dẫn nhân viên. Mỗi cá nhân đóng vai trò quan trọng trong KSNB và khả năng, sự tin cậy của nhân viên rất cần thiết để kiểm soát được hữu hiệu. (COSO,2013). Vì vậy, cách thức tuyển dụng, đào tạo, giáo dục, đánh giá, bổ

nhiệm, khen thưởng hay kỷ luật là một phần quan trọng trong môi trường kiểm soát. Nhân viên được tuyển dụng phải bảo đảm được về tư cách đạo đức cũng như kinh nghiệm để thực hiện công việc được giao.

Nhà lãnh đạo cần thiết lập các chương trình động viên, khuyến khích bằng các hình thức khen thưởng và nâng cao mức khuyến khích cho các hoạt động cụ thể. Đồng thời, các hình thức kỷ luật nghiêm khắc cho các hành vi vi phạm cũng cần được các nhà lãnh đạo quan tâm. Ban lãnh đạo đưa ra một số chính sách đãi ngộ người lao động trong đó chú ý đến công tác khen thưởng hoặc xử phạt; tuyển dụng nhân sự, bồi dưỡng đội ngũ, phân phối thu nhập tăng thêm, cụ thể:

- Khen thưởng đối với các trường hợp thực hiện tốt các quy chế, quy định, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có thành tích tốt trong lao động và học tập, có sáng kiến kinh nghiệm, cải tiến quy trình làm việc... hoặc những cá nhân, đơn vị thực hiện tiết kiệm chi phí;

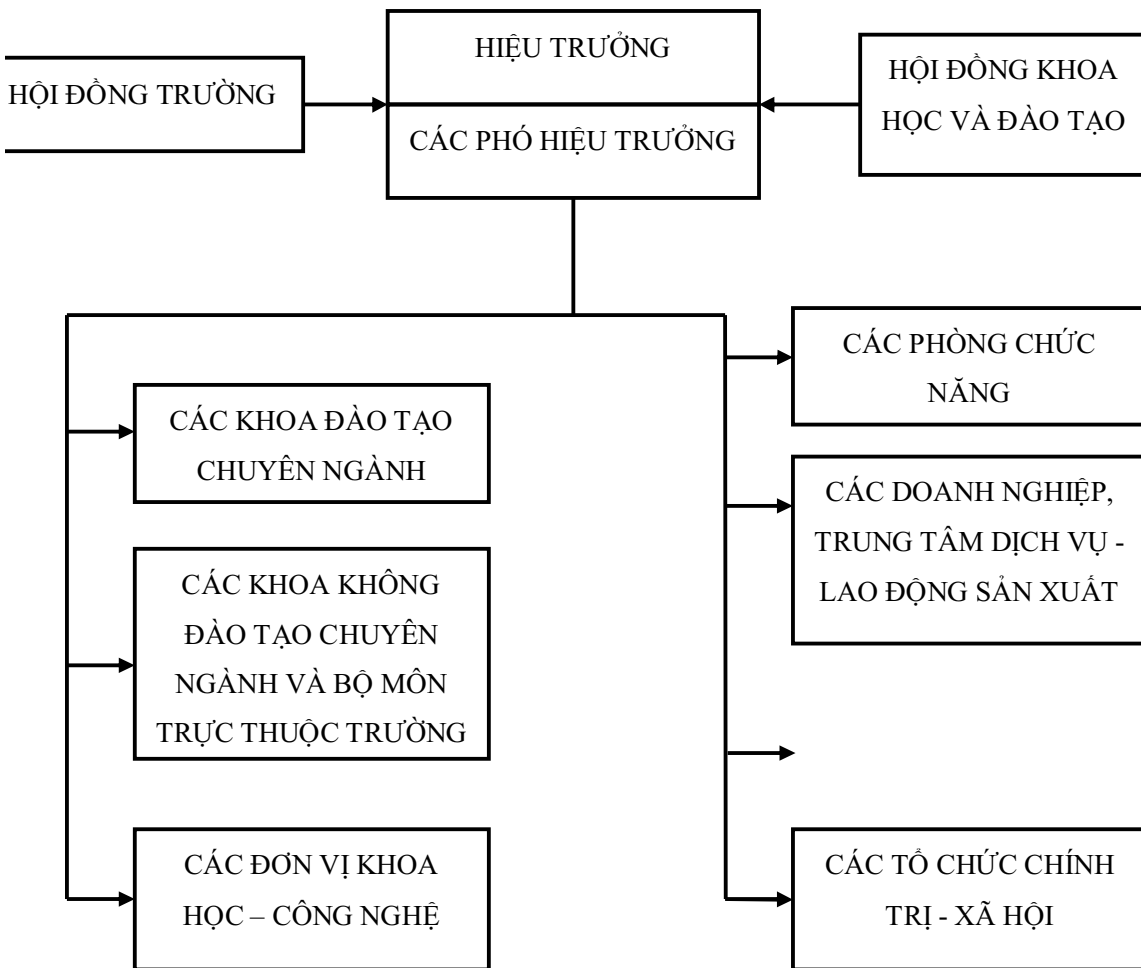
- Cần xử lý kỷ luật theo đúng nội quy đã ban hành đối với những trường hợp vi phạm, không hoàn thành nhiệm vụ, làm việc thiếu trách nhiệm...

- Công khai rộng rãi nhu cầu tuyển dụng trên phương tiện thông tin đại chúng để thu hút ứng viên. Thành lập hội đồng tuyển dụng và phải xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá ứng viên làm tiêu chuẩn chung trong tuyển dụng nhân sự, bộ phận tuyển dụng sẽ bổ sung thêm yêu cầu cụ thể khi đề xuất tuyển dụng cho vị trí cụ thể.

Môi trường kiểm soát bên ngoài: được thể hiện qua hệ thống chính sách của Nhà nước nhằm hướng dẫn cũng như để kiểm soát đối với hoạt động của các trường đại học công lập. Một số văn bản hướng dẫn của Nhà nước liên quan đến các trường đại học công lập có thể kể đến là:

- + Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;
- + Luật Kế toán năm 2003;
- + Luật Giáo dục Đại học năm 2012;
- + Nghị định số 60/2003/NĐ - CP ngày 06/6/2003

Hình 1: Cơ cấu tổ chức trường đại học



Nguồn: Thủ tướng Chính phủ, 2010

của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

+ Quyết định số 19/2006/QĐ- BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ Kế toán hành chính sự nghiệp;

+ Nghị định 43/2006/NĐ- CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Quyết định 64/2008/QĐ- BGDĐT ngày 28/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học;

+ Quyết định 43/2007/QĐBGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

+ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/09/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ Trường đại học.

Và các văn bản hướng dẫn chế độ của Nhà nước liên quan.

2.2.2. Hệ thống thông tin kế toán

Một trong những yếu tố cơ bản của hệ thống KSNB trong các trường đại học có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát hoạt động đó là hệ thống thông tin kế toán. Bộ máy kế toán tại các trường đại học công lập Việt Nam hiện nay được tổ chức trong phòng Kế hoạch – Tài chính, hoặc phòng Tài chính-Kế toán, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Giám hiệu trong lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản, kế toán, quản lý tập trung các nguồn vốn, quỹ, nguồn kinh phí trong và ngoài ngân sách nhà nước theo đúng chế độ qui định của Nhà nước. Bộ máy kế toán trong các trường đại học công lập có thể được tổ chức theo mô hình tập trung hoặc nửa tập trung nửa phân tán. Đối với các trường có qui mô nhỏ, chủ yếu là các trường đại học tại các địa phương, bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung do công tác kế toán không nhiều và tương đối đơn giản. Đối với các trường có qui mô tương đối lớn, có các đơn vị trực thuộc được phân cấp quản lý tài chính, bộ máy kế toán thường được tổ chức theo mô hình nửa tập trung nửa phân tán. Theo mô hình này, tại các đơn vị trực thuộc cũng tổ chức bộ máy kế toán. Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc (các trung tâm hỗ trợ đào tạo, các đơn vị khoa học – công nghệ) tiến hành tổ chức bộ máy kế toán theo dõi các nguồn thu và các khoản chi được phân cấp tại đơn vị mình, định kỳ báo cáo lên phòng Kế hoạch – Tài chính của trường để tổng hợp vào

các nguồn thu và các khoản chi chung của cả trường. Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập (các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân) tổ chức bộ máy kế toán hoàn chỉnh tiến hành hạch toán theo các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Định kỳ, các đơn vị này tiến hành nộp các báo cáo theo yêu cầu về phòng Kế hoạch - Tài chính của trường. Bộ máy kế toán trong các trường đại học công lập thường bao gồm: (*Nguyễn Hữu Đồng, 2010*).

Kế toán trưởng (có thể kiêm trưởng phòng Kế toán – Tài chính) là người đứng đầu bộ máy kế toán, có trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán và công tác kế toán trong toàn trường. Kế toán trưởng chỉ đạo công tác lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán kinh phí hàng năm và là người chịu trách nhiệm giám sát việc sử dụng phần mềm trong công tác kế toán.

Kế toán tổng hợp chỉ đạo trực tiếp việc hạch toán, đối chiếu sổ sách, tiếp nhận và xử lý báo cáo của các đơn vị trực thuộc gửi lên, định kỳ (quý, năm) lập các báo cáo tài chính phục vụ việc quyết toán kinh phí của trường. Kế toán tổng hợp chịu trách nhiệm tổng hợp và lập dự toán của toàn trường và thường là người chịu trách nhiệm quản lý – điều hành việc sử dụng phần mềm kế toán.

Kế toán tài sản theo dõi việc mua sắm, xuất dùng tài sản, trang thiết bị tại các bộ phận trong trường.

Kế toán thanh toán theo dõi các khoản thanh toán phát sinh trong nhà trường (thanh toán tạm ứng, thanh toán với cán bộ công nhân viên, thanh toán với Kho bạc, cơ quan thuế, cơ quan BHXH...).

Kế toán thu học phí theo dõi các khoản học phí của sinh viên các hệ đào tạo trong trường.

Quản trị hệ thống mạng máy tính nội bộ có trách nhiệm duy trì trạng thái hoạt động bình thường của hệ thống và tham gia một số khâu công việc trong chu trình kế toán của đơn vị.

Thủ quỹ có trách nhiệm bảo quản tiền mặt tại quỹ; thực hiện các nghiệp vụ thu, chi tiền; cập nhật số liệu trên sổ quỹ, định kỳ tiến hành kiểm quỹ.

Bên cạnh việc tổ chức bộ máy còn cần phải đề cập đến hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ và báo cáo kế toán. Các trường đại học công lập hiện nay áp dụng Chế độ Kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính. Một số trường đại học hiện nay đã sử dụng phần mềm kế toán giúp cho công việc của kế toán được thuận tiện và nhanh chóng hơn.

- *Hệ thống chứng từ kế toán*: Các trường đại học

công lập hiện nay tuân thủ tương đối đầy đủ chế độ chứng từ được quy định theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC. Các trường đã sử dụng hệ thống chứng từ phù hợp với đặc điểm hoạt động của các trường đại học công lập. Chứng từ là một yếu tố quan trọng trong hoạt động của kế toán và được sử dụng để kiểm soát hiệu quả các hoạt động của đơn vị. Ngoài các biểu mẫu chứng từ bắt buộc, các trường đại học công lập còn sử dụng thêm một số các chứng từ khác. Ví dụ, trường Đại học Kinh tế Quốc dân sử dụng bảng kê thu học phí theo ngày kèm theo chứng từ ghi sổ theo từng nhân viên thu học phí, Bảng kê thanh toán kèm theo chứng từ ghi sổ. Các trường đại học công lập cũng đã tuân thủ tốt việc ghi chép các nội dung bắt buộc trên chứng từ (ngày tháng, nội dung và qui mô nghiệp vụ, chữ ký của các đối tượng liên quan).

Các trường đều đã xây dựng qui định cụ thể về trình tự luân chuyển cho từng loại chứng từ được sử dụng tại đơn vị. Trước khi chứng từ được sử dụng để ghi sổ, các chứng từ được kiểm tra bởi kế toán phụ trách phần hành và được kế toán trưởng kiểm tra trước khi ký phê duyệt nghiệp vụ đối với những nghiệp vụ đòi hỏi cần phải có sự phê duyệt của kế toán trưởng. Nội dung kiểm tra chứng từ bao gồm kiểm tra tính hợp pháp của nghiệp vụ, tính chính xác của thông tin, sự đầy đủ của chữ ký, và định khoản trên chứng từ.

Việc lưu trữ chứng từ kế toán tại các trường đại học công lập cũng được tuân thủ theo đúng qui định của chế độ hiện hành. Các chứng từ sau khi ghi sổ đều được đóng thành tập, theo từng tháng và lưu trữ, bảo quản theo đúng thời hạn qui định. Tuy nhiên, số lượng chứng từ tại các trường đại học rất lớn, đặc biệt là các chứng từ thu và chi tiền, nên cần địa điểm lưu trữ chứng từ rất rộng. Do điều kiện khách quan của một số trường, các chứng từ được lưu trữ trong những điều kiện chưa tốt gây khó khăn cho công tác kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

- *Hệ thống tài khoản kế toán:* Các trường đại học công lập hiện nay đều đã xây dựng một hệ thống tài khoản của đơn vị mình trên cơ sở hệ thống tài khoản kế toán thống nhất cho các đơn vị hành chính sự nghiệp theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính. Tùy theo đặc điểm và qui mô của từng trường, các trường sử dụng số lượng tài khoản khác nhau. Việc mở các tài khoản chi tiết ngoài qui định của chế độ kế toán tại các trường đại học công lập hiện nay còn rất hạn chế. Hầu hết các trường chỉ dừng lại ở việc mở các tài khoản chi tiết cấp 2, cấp 3 theo chế độ qui định.

- *Hệ thống sổ kế toán:* Các trường đại học công

lập hiện nay chủ yếu áp dụng hai hình thức tổ chức sổ Nhật ký chung (Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh, Đại học Cần Thơ, Đại học Huế, Đại học Điện Lực) và Chứng từ Ghi sổ (Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Đà Nẵng, Đại học Quảng Nam, Viện Đại học Mở Đại học Ngoại thương, Đại học Hồng Đức, Đại học Hải Phòng, Đại học Sân khấu – Điện ảnh, Đại học Công nghệ - Đại học quốc gia Hà Nội). Đối với các trường sử dụng phần mềm kế toán, các loại và mẫu sổ sách có thể không hoàn toàn theo đúng với hệ thống sổ qui định cho từng hình thức. Đối với các trường chưa sử dụng phần mềm kế toán, về cơ bản hệ thống sổ thường được tuân thủ theo đúng qui định của từng hình thức.

Do hầu hết các trường đều dùng phần mềm kế toán nên việc ghi chép trên các sổ sách kế toán đều được thực hiện tự động (đối với các trường chưa áp dụng các phần mềm kế toán nhưng cũng thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán trên máy vi tính), giảm nhẹ khối lượng công việc cho nhân viên kế toán và dễ sửa chữa các sai sót (nếu có).

- *Hệ thống báo cáo kế toán:* Theo qui định của chế độ kế toán tài chính hiện hành, kết thúc mỗi niên độ kế toán, các trường đại học công lập cần lập các báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách gửi các cơ quan cấp trên. Các trường đại học công lập hiện nay phải lập các loại báo cáo sau: Bảng cân đối tài khoản, Tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng, Báo cáo chi tiết kinh phí hoạt động, Báo cáo chi tiết kinh phí dự án, Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách tại Kho bạc nhà nước, Bảng xác nhận số dư dự toán kinh phí ngân sách tại Kho bạc Nhà nước, Báo cáo thu – chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản cố định, Báo cáo số kinh phí chưa quyết toán chuyên sang năm sau và Thuyết minh báo cáo tài chính. Các trường đã tuân thủ đúng chế độ báo cáo tài chính theo yêu cầu. Tuy nhiên, các báo cáo này được lập mang tính thủ tục bắt buộc là chủ yếu, ý nghĩa cung cấp thông tin chưa nhiều và thời hạn lập thường chậm hơn so với qui định. Một số trường chưa lập các báo cáo quyết toán về sự nghiệp có thu, hoặc báo cáo quyết toán không đầy đủ, thiếu số liệu quyết toán thu chi của các trung tâm tư vấn, đào tạo ngắn hạn trực thuộc các khoa trong trường.

2.2.3. Đánh giá rủi ro:

Các trường đại học công lập về mặt bản chất chính là các đơn vị sự nghiệp có thu và trong quá trình hoạt động chắc chắn không tránh khỏi những rủi ro. Điều này khá tương đồng với các doanh

nghiệp hiện nay. Chính vì vậy, đánh giá rủi ro rất quan trọng trong việc xác định các khả năng có thể làm ảnh hưởng đến mục tiêu của các trường. Các mục tiêu ở đây liên quan đến cả mục tiêu tài chính và phi tài chính. Việc phân tích đánh giá rủi ro sẽ không giúp các trường tránh được toàn bộ rủi ro mà chỉ giúp thu hẹp các rủi ro trong giới hạn ở mức chấp nhận được. Quá trình đánh giá rủi ro thường bao gồm:

Xác định mục tiêu: Các mục tiêu có thể bao gồm cả mục tiêu tài chính và mục tiêu phi tài chính. Tính khái quát hay cụ thể của mục tiêu được xây dựng tùy thuộc vào hoạt động của từng trường, tùy thuộc vào yêu cầu của từng thời kỳ. Các mục tiêu tài chính của các trường đại học công lập của Việt Nam thường được cân bằng trong mối quan hệ với các mục tiêu về chất lượng đào tạo, quy mô đào tạo và mức độ đóng góp nhân lực cho xã hội.

Nhận diện rủi ro: Là xác định loại rủi ro và mối liên hệ với từng loại mục tiêu. Rủi ro có thể bao gồm cả rủi ro bên trong và bên ngoài, rủi ro trên toàn bộ hoạt động hay từng hoạt động đơn lẻ. Rủi ro có thể đến từ những nguyên nhân cơ bản sau:

- Những thay đổi trong quy chế của tổ chức hoạt động môi trường hoạt động của trường hay sự thay đổi nhân sự nhất là sự thay đổi nhân sự trong Ban Giám hiệu, Hội đồng trường và quản lý của các bộ phận trong trường;

- Điều chỉnh hệ thống thông tin trong trường;

- Sự tăng trưởng nhanh chóng của các trường về quy mô đào tạo, tăng số lượng chuyên ngành đào tạo;

- Sự sắp xếp lại tổ chức của các đơn vị phục vụ hỗ trợ đào tạo và sắp xếp lại chuyên ngành đào tạo mở rộng hoặc xóa bỏ chuyên ngành đào tạo;

- Liên kết đào tạo trong và ngoài nước;

- Áp dụng những nguyên tắc kế toán mới.

Phân tích và đánh giá rủi ro: Xác định tần suất rủi ro và mức độ rủi ro trên cơ sở các tiêu chí đánh giá rủi ro để từ đó đề xuất các phương thức quản trị rủi ro và đối phó với rủi ro.

Hiện nay, các trường đại học công lập ở Việt Nam đều không xây dựng riêng một bộ phận trong cơ cấu tổ chức nhằm thực hiện nhiệm vụ đánh giá rủi ro. Điều này có thể ảnh hưởng đến các kết quả tài chính của trường cũng như ảnh hưởng đến những giá trị không lượng hóa được thành tiền nhưng lại là những giá trị quan trọng như danh tiếng và uy tín của trường, đánh giá của xã hội đến các sản phẩm của trường. Các trường đại học công lập cần xây dựng một quy trình đánh giá rủi ro và gắn trách nhiệm

đánh giá rủi ro đó cho cả quản lý cấp cao và quản lý các cấp thấp hơn. Một ví dụ minh chứng cho đánh giá rủi ro trong liên kết đào tạo trong và ngoài nước đối với các trường công lập hiện nay đang chưa được thực hiện một cách hữu hiệu. Nếu không thực hiện được việc này, các trường công lập dễ rơi vào tình trạng đào tạo không đáp ứng theo nhu cầu xã hội, tổ chức liên kết đào tạo tràn lan ảnh hưởng đến hình ảnh và danh tiếng của trường và thậm chí ảnh hưởng đến kết quả tài chính của trường khi lựa chọn các đối tác không phù hợp.

2.2.4. Các hoạt động kiểm soát

Để tiến hành kiểm soát các hoạt động trong đơn vị, các trường đại học cần xây dựng hệ thống các hoạt động kiểm soát phù hợp và có hiệu lực. Hoạt động kiểm soát là những chính sách và những thủ tục đối phó rủi ro và đảm bảo đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của đơn vị. Để đạt được hiệu quả, hoạt động kiểm soát phải phù hợp, nhất quán giữa các thời kỳ, dễ hiểu, đáng tin cậy và liên hệ trực tiếp đến mục tiêu kiểm soát. Hoạt động kiểm soát có mặt xuyên suốt trong tổ chức, ở các mức độ và các chức năng. Hoạt động kiểm soát bao gồm kiểm soát phòng ngừa và phát hiện rủi ro. Cân bằng giữa thủ tục kiểm soát phát hiện và phòng ngừa là phối hợp các hoạt động kiểm soát để hạn chế, bổ sung lẫn nhau giữa các thủ tục kiểm soát. Các hoạt động kiểm soát trong trường đại học công lập tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- *Thủ tục phân quyền và xét duyệt:* Việc thực hiện các nghiệp vụ chỉ được thực hiện bởi người được ủy quyền theo trách nhiệm và phạm vi của họ. Ủy quyền là một cách thức chủ yếu để đảm bảo rằng chỉ có những nghiệp vụ có thực mới được phê duyệt đúng mong muốn của người lãnh đạo. Các thủ tục ủy quyền được các trường đại học cụ thể hóa trong hệ thống các văn bản, tài liệu và công bố rõ ràng. Tuân thủ những quy định chi tiết của sự ủy quyền, nhân viên hành động đúng theo hướng dẫn, trong giới hạn được quy định bởi người lãnh đạo và pháp luật.

- *Phân chia trách nhiệm:* Trong các hoạt động của đơn vị, các trường đại học đảm bảo một hệ thống kiểm soát đòi hỏi không có người nào được giao quá nhiều trách nhiệm và quyền hạn để tránh nguy cơ xảy ra gian lận. Các chức năng bất kiêm nhiệm mà một tổ chức cần phải phân định cho từng người riêng biệt là:

+ Quyền được phê chuẩn và ra quyết định;

+ Ghi chép: gồm lập chứng từ gốc, ghi nhật ký, ghi sổ tài khoản, lập bảng đối chiếu, lập báo cáo

thực hiện;

+ Bảo vệ tài sản: trực tiếp như thủ quỹ, thủ kho; gián tiếp như người nhận séc khách hàng trả...

Nếu các chức năng trên tập trung ở một người sẽ phát sinh tiêu cực, người tốt sẽ có cơ hội phạm tội vì điều kiện quá dễ dàng để thực hiện hành vi gian lận để ngăn chặn các sai phạm hoặc gian lận thì rất cần phải phân công các chức năng trên riêng biệt cho từng người. Các quy định này đã được các trường đại học quy định rõ trong các quyết định phân công, phân nhiệm trong các đơn vị, bộ phận.

Tuy nhiên, sự thông đồng, bắt tay nhau giữa một nhóm người này sẽ làm giảm hoặc phá hủy sự hữu hiệu của hệ thống KSNB. Trong một số trường hợp đơn vị có quy mô nhỏ, công việc từng nhiệm vụ không nhiều, quá ít nhân viên để thực hiện việc phân chia trách nhiệm, khi đó nhà lãnh đạo phải nhận biết được rủi ro và sử dụng những biện pháp kiểm soát khác như luân chuyển nhân viên. Sự luân chuyển nhân viên đảm bảo rằng một người không xử lý mọi mặt nghiệp vụ trong thời gian dài.

Bảo vệ tài sản: Tài sản của một tổ chức không chỉ là tiền, hàng hóa, máy móc thiết bị... mà còn là thông tin. Các thủ tục cần có để bảo vệ tài sản gồm:

+ Xét duyệt:

- Ngăn ngừa việc xét duyệt nghiệp vụ không hợp lệ để tham ô tài sản.

+ Bảo vệ tài sản:

- Giám sát hiệu quả và phân định riêng biệt các chức năng;

- Bảo quản và ghi chép về tài sản, bao gồm cả thông tin;

- Giới hạn việc tiếp cận với tài sản;

- Giữ tài sản ở nơi riêng biệt, đảm bảo an toàn, bảo quản con dấu và chữ ký khắc sẵn.

+ Ghi chép:

- Ngăn ngừa việc ghi nhận không đúng để che dấu nghiệp vụ không hợp lệ;

- Ngăn ngừa việc ghi nhận sai để che dấu tài sản mất mát.

Kiểm tra, đối chiếu: Các nghiệp vụ và sự kiện phải được kiểm tra trước và sau khi xử lý. VD: phải kiểm tra hàng hóa trước khi nhập kho... Sổ sách được đối chiếu với các chứng từ thích hợp để kịp thời phát hiện và xử lý các sai sót.

2.2.5. Hoạt động giám sát:

Giám sát có thể được hiểu là quá trình đánh giá chất lượng của KSNB. Nội dung đánh giá thường gắn với việc đánh giá thiết kế, vận hành các thủ tục

kiểm soát. Mục tiêu lớn nhất của giám sát nhằm đưa ra các điều chỉnh cần thiết cho KSNB. Chính vì vậy, hoạt động giám sát này sẽ đảm bảo tính hiệu lực và tính hữu hiệu của các chính sách và thủ tục kiểm soát. Hoạt động giám sát trong các trường công lập có thể được thực hiện dưới hình thức tự giám sát nhưng cũng có thể sử dụng kết quả giám sát của các tổ chức độc lập bên ngoài. Phạm vi và tần suất thực hiện hoạt động giám sát phụ thuộc vào chính những đánh giá rủi ro. Giám sát trong các trường cũng có thể bao gồm việc đánh giá thường xuyên và định kỳ của người quản lý đối với hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm xem xét hoạt động của nó có đúng như thiết kế và cần phải điều chỉnh gì cho phù hợp với tình hình của từng giai đoạn.

Giám sát thường xuyên: diễn ra ngay trong quá trình hoạt động, do các nhà quản lý và các nhân viên thực hiện trong trách nhiệm của mình.

Giám sát định kì: thường thực hiện qua các chức năng kiểm toán nội bộ trong đơn vị, qua đó phát hiện kịp thời những yếu kém trong hệ thống để đưa ra biện pháp cải thiện. Tuy nhiên, điều này thường khó thực hiện vì phần lớn các trường đều không có bộ phận thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ mà chỉ mới hình thành bộ phận thanh tra và kiểm tra liên quan đến công tác đào tạo.

Hiện nay, trong các trường công lập ở Việt Nam, hoạt động giám sát này còn chưa được thực hiện theo đúng nghĩa là đánh giá thiết kế, vận hành các thủ tục kiểm soát. Các trường chưa có một bộ máy độc lập hay một chức năng độc lập để thực hiện hoạt động này. Đây là một trong những điểm yếu kiểm soát trong các trường đại học công lập nói riêng và hệ thống các trường đại học ở Việt Nam.

3. Kết luận

Như vậy, xét về bản chất, hệ thống KSNB trong các trường đại học được biểu hiện rõ nét nhất về mặt hình thức chính là các chính sách và thủ tục kiểm soát. Các chính sách và thủ tục kiểm soát sẽ được xây dựng và vận hành trên nền tảng của nó chính là môi trường kiểm soát và hệ thống thông tin kế toán. Các chính sách là thủ tục kiểm soát sẽ chỉ đảm bảo được hiệu lực hoạt động và tính liên tục bằng quá trình đánh giá rủi ro và giám sát. Do đó, để đảm bảo hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt các mục tiêu xã hội, các trường đại học công lập trong xây dựng hệ thống KSNB phải quan tâm đồng bộ đến cả năm nhân tố nêu trên. □

Tài liệu tham khảo:

- Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006). *Nghị định số 43/2006/NĐ-CP qui định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*.
- Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Nghị quyết 14/2005/NQ-CP về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.
- COSO (2013), *Internal Control - Integrated Framework*, <http://www.coso.org/documents/Internal%20Control-Integrated%20Framework.pdf>
- INTOSAI (1992), *Guidelines for Internal Control Standards*.
- Nguyễn Hữu Đồng (2009), *Hệ thống thông tin kế toán trong các trường đại học tại một số nước trên thế giới và bài học cho các trường đại học Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, (kì 2), tháng 11 năm 2009.
- Nguyễn Hữu Đồng (2010), *Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính và quá trình kế toán các khoản chi trong các trường đại học công lập*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, (156), tháng 6 năm 2010.
- Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/09/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành *Điều lệ Trường đại học*.

Internal control system for public universities in Vietnam

Abstract:

The number of universities in Vietnam is increasing with various fields and various kind of ownership. Among that, public universities still play important role in education. To keep their role, public universities must build up appropriate and effective internal control system. At the organizational universities' level, internal control objectives relate to the reliability of financial reporting, timely feedback on the achievement of operational or strategic goals, and compliance with laws and regulations. Internal control consists of 5 key elements which requires improvements: control environment, risk assessment, control activities, accounting information, monitoring.

Thông tin các tác giả:

***Đinh Thế Hùng**, tiến sĩ

- Nơi công tác: Viện Kế toán Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kiểm toán tài chính, kiểm toán quyết toán công trình xây dựng cơ bản, kiểm toán nội bộ, kiểm toán hoạt động, kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kế toán, Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán, Tạp chí Kinh tế và Phát triển.

Email: hungdtneu@gmail.com

**** Nguyễn Thị Hồng Thúy**, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Kế toán Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán độc lập thực hiện, kiểm toán tài chính do kiểm toán nhà nước thực hiện, kiểm toán nội bộ trong các tập đoàn kinh tế, kiểm toán nội bộ trong các ngân hàng thương mại, kiểm soát chi phí
- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán.

Địa chỉ email: moc237@yahoo.com

***** Hàn Thị Lan Thu**, thạc sĩ

- Nơi công tác: Viện Kế toán Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, phân tích kinh doanh
- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán.

Email: lanthu.neu@gmail.com